

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nội vụ tỉnh Hậu Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14  
tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định  
liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07  
tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định  
liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của  
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát  
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng  
Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 631/QĐ-BNV ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng  
Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 744/QĐ-BNV ngày 11 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng  
Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 2191/QĐ-BNV ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng  
Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng  
Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-BNV ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-BNV ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-BNV ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-BNV ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 1121/QĐ-BNV ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nội vụ tỉnh Hậu Giang.

*(Đính kèm Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang;

2. Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố các thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang;

3. Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nội vụ tỉnh Hậu Giang;

4. Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang;

5. Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang;

6. Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang;

7. Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang.

**Điều 3.** Giao Sở Nội vụ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổ chức niêm yết, cập nhật, đăng tải thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NC. H

**CHỦ TỊCH**



**Đổng Văn Thanh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NỘI VỤ TỈNH HẬU GIANG**  
*(Kèm theo Quyết định số      /QĐ-UBND ngày      tháng      năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang)*

| STT                                             | Tên thủ tục hành chính      | Thời hạn giải quyết theo quy định                                                | Thời hạn giải quyết tại tỉnh                                                     | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (84 TTHC)</b> |                             |                                                                                  |                                                                                  |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         |
| <b>I. Lĩnh vực Công chức (04 TTHC)</b>          |                             |                                                                                  |                                                                                  |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         |
| 1                                               | Thủ tục thi tuyển công chức | Thực hiện theo Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | Thực hiện theo Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Có          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;</li> <li>- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;</li> <li>- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;</li> <li>- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính      | Thời hạn giải quyết theo quy định                                                | Thời hạn giải quyết tại tỉnh                                                     | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                             |                                                                                  |                                                                                  |                                                  |             | - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |
| 2   | Thủ tục xét tuyển công chức | Thực hiện theo Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | Thực hiện theo Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Có          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;</li> <li>- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;</li> <li>- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;</li> <li>- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính              | Thời hạn giải quyết theo quy định                            | Thời hạn giải quyết tại tỉnh                                 | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                     |                                                              |                                                              |                                                  |                | - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |
| 3   | Thủ tục tiếp nhận vào làm công chức | Thực hiện theo lịch làm việc của Hội đồng kiểm tra, sát hạch | Thực hiện theo lịch làm việc của Hội đồng kiểm tra, sát hạch | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;</li> <li>- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;</li> <li>- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;</li> <li>- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức.</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính           | Thời hạn giải quyết theo quy định                                                | Thời hạn giải quyết tại tỉnh                                                     | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 4   | Thủ tục thi nâng ngạch công chức | Thực hiện theo Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | Thực hiện theo Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Có          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;</li> <li>- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;</li> <li>- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;</li> <li>- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;</li> <li>- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.</li> </ul> |         |

| STT                                     | Tên thủ tục hành chính              | Thời hạn giải quyết theo quy định                                                    | Thời hạn giải quyết tại tỉnh                                                         | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú |
|-----------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>II. Lĩnh vực Viên chức (04 TTHC)</b> |                                     |                                                                                      |                                                                                      |                                                  |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |
| 1                                       | Thủ tục thi tuyển viên chức         | Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ | Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức ngày 15/11/2010;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;</li> <li>- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.</li> </ul> |         |
| 2                                       | Thủ tục xét tuyển viên chức         | Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ | Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức ngày 15/11/2010;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                             |         |
| 3                                       | Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức | Thực hiện theo Quyết định số 1066/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ     | Thực hiện theo Quyết định số 1066/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ     | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức ngày 15/11/2010;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                             |         |



| STT                                                  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết theo quy định                                                    | Thời hạn giải quyết tại tỉnh                                                         | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 4                                                    | Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ | Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Có          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức ngày 15/11/2010;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;</li> <li>- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  |         |
| <b>III. Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ (16 TTHC)</b> |                                                    |                                                                                      |                                                                                      |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         |
| 1                                                    | Thủ tục thành lập hội                              | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                             | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                             | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính        | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                               |                                          |                                          |                                                  |             | - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 2   | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                     | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                            |                                          |                                          |                                                  |             | - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 3   | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        |                                          |                                          |                                                  |             | - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 4   | Thủ tục đổi tên hội    | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                         |                                          |                                          |                                                  |             | - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 5   | Thủ tục hội tự giải thể | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                               | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                      |                                          |                                          |                                                  |             | - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 6   | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                      | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                             |                                          |                                          |                                                  |             | - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 7   | Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                           |                                          |                                          |                                                  |             | - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. |         |
| 8   | Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ                                  | 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.                                                                |         |
| 9   | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.                                                                |         |



| STT | Tên thủ tục hành chính                                                           | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 10  | Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ              | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. |         |
| 11  | Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. |         |
| 12  | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ                     | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                   | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 13  | Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. |         |
| 14  | Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ                               | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. |         |
| 15  | Thủ tục đổi tên quỹ                                                      | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 16  | Thủ tục quỹ từ giải thể | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. |         |

#### IV. Lĩnh vực Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (03 TTHC)

|   |                                                         |                                          |                                          |                                                  |       |                                                                                                                                   |  |
|---|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1 | Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập   | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không | Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. |  |
| 2 | Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không | Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. |  |
| 3 | Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập    | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không | Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. |  |

#### V. Lĩnh vực Tổ chức hành chính (05 TTHC)

|   |                                                |                                          |                                          |                                                  |       |                                                                                                                            |  |
|---|------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1 | Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không | Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính. |  |
|---|------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

| STT | Tên thủ tục hành chính                           | Thời hạn giải quyết theo quy định                 | Thời hạn giải quyết tại tỉnh                      | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2   | Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ          | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ          | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính. |         |
| 3   | Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính    | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ          | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ          | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính. |         |
| 4   | Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm          | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.                          |         |
| 5   | Thủ tục thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm     | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.                          |         |

#### **VI. Lĩnh vực Chính quyền địa phương (02 TTHC)**

|   |                                             |                                          |                                          |                                                  |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
|---|---------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1 | Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã  | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không | Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 2 | Thủ tục thẩm định thành lập mới ấp, khu vực | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;</li> <li>- Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.</li> </ul> |  |

| STT                                                | Tên thủ tục hành chính                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>VII. Lĩnh vực Công tác thanh niên (03 TTHC)</b> |                                                              |                                          |                                          |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |         |
| 1                                                  | Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh   | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong;<br>- Thông tư số 11/2011/TT-BNV ngày 26/9/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong (Điều 4, Điều 5).                                           |         |
| 2                                                  | Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh    | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong;<br>- Thông tư số 11/2011/TT-BNV ngày 26/9/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong (Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9).                           |         |
| 3                                                  | Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong;<br>- Thông tư số 18/2014/TT-BNV ngày 25/11/2014 của Bộ Nội vụ quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong các thời kỳ đối với đơn vị chưa được xác định phiên hiệu (Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 11). |         |

| STT                                              | Tên thủ tục hành chính                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>VIII. Lĩnh vực Văn thư, lưu trữ (03 TTHC)</b> |                                                             |                                          |                                          |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| 1                                                | Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả phòng đọc | 04 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 04 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Lưu trữ năm 2011;</li> <li>- Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;</li> <li>- Thông tư số 10/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về việc sử dụng tài liệu tại Phòng đọc của các Lưu trữ lịch sử;</li> <li>- Thông tư số 275/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ.</li> </ul> |         |
| 2                                                | Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ                   | 04 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 04 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Có          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Lưu trữ năm 2011;</li> <li>- Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;</li> <li>- Thông tư số 10/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về việc sử dụng tài liệu tại Phòng đọc của các Lưu trữ lịch sử;</li> <li>- Thông tư số 275/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ.</li> </ul> |         |

| STT                                                | Tên thủ tục hành chính                               | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 3                                                  | Thủ tục cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ     | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Lưu trữ năm 2011;</li> <li>- Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;</li> <li>- Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |         |
| <b>IX. Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng (09 TTHC)</b> |                                                      |                                          |                                          |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |
| 1                                                  | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                       |                                          |                                          |                                                  |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |
| 2   | Thủ tục tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định | Thời hạn giải quyết tại tỉnh | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        |                                   |                              |                    |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                           | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 3   | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                           | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                  |                                          |                                          |                                                  |             | - Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |         |
| 4   | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                              |                                          |                                          |                                                  |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul>                                                                                                                                                                  |         |
| 5   | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                        | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                               |                                          |                                          |                                                  |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |
| 6   | Thủ tục tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định | Thời hạn giải quyết tại tỉnh | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        |                                   |                              |                    |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 7   | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đột xuất | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                            | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                   |                                          |                                          |                                                  |             | - Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |         |
| 8   | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |



| STT | Tên thủ tục hành chính                                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                              |                                          |                                          |                                                  |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |
| 9   | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đối ngoại | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định | Thời hạn giải quyết tại tỉnh | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        |                                   |                              |                    |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |

| STT                                               | Tên thủ tục hành chính                                                                                                | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>X. Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo (35 TTHC)</b> |                                                                                                                       |                                          |                                          |                                                  |             |                                                                                                                                                                                     |         |
| 1                                                 | Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh                                            | 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 55 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 2                                                 | Thủ tục đăng ký sửa đổi Hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh                              | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 27 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 3                                                 | Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 55 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 4                                                 | Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích    | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 27 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                            | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 5   | Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam                                                    | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 27 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 6   | Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh                                              | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 27 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 7   | Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 27 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 8   | Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh                                    | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 27 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                               | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 9   | Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc                                    | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 27 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 10  | Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc                                  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 11  | Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 55 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 12  | Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của Hiến chương           | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 13  | Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của Hiến chương của tổ chức              | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 14  | Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của Hiến chương của tổ chức | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 15  | Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP               | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                             | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 16  | Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh                                              | 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 17  | Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 18  | Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo    | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 19  | Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo          | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 20  | Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 21  | Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo     | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |



| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết theo quy định       | Thời hạn giải quyết tại tỉnh            | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 22  | Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh                                                                          | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 23  | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                              | Thời hạn giải quyết theo quy định       | Thời hạn giải quyết tại tỉnh            | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 24  | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo            | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 25  | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 26  | Thủ tục thông báo tuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành                                                                                                 | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 27  | Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 28  | Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh                     | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 29  | Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo                                                                                | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                             | Thời hạn giải quyết theo quy định       | Thời hạn giải quyết tại tỉnh            | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 30  | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh                           | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 31  | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh                   | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 32  | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 33  | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 34  | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh                                         | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 35  | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh                            | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hậu Giang | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT                                                | Tên thủ tục hành chính                       | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (29 TTHC)</b>   |                                              |                                          |                                          |                                                     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |
| <b>I. Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ (07 TTHC)</b> |                                              |                                          |                                          |                                                     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |
| 1                                                  | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2   | Thủ tục thành lập hội  | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính        | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 3   | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</li> </ul> |         |



| STT | Tên thủ tục hành chính                     | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 4   | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 5   | Thủ tục đổi tên hội    | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 6   | Thủ tục hội tự giải thể | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                               | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 7   | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</li> </ul> |         |

| STT                                                                         | Tên thủ tục hành chính                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                    | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>II. Lĩnh vực Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (03 TTHC)</b> |                                                         |                                          |                                          |                                                     |             |                                                                                                                                   |         |
| 1                                                                           | Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập   | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. |         |
| 2                                                                           | Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. |         |
| 3                                                                           | Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập    | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. |         |
| <b>III. Lĩnh vực Tổ chức hành chính (03 TTHC)</b>                           |                                                         |                                          |                                          |                                                     |             |                                                                                                                                   |         |
| 1                                                                           | Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính          | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.        |         |
| 2                                                                           | Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính        | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.        |         |
| 3                                                                           | Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính           | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.        |         |

| STT                                                | Tên thủ tục hành chính                                                                        | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>IV. Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng (08 TTHC)</b> |                                                                                               |                                          |                                          |                                                     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |         |
| 1                                                  | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                            | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                   |                                          |                                          |                                                     |             | - Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |
| 2   | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                        | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                               |                                          |                                          |                                                     |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul>                                                                                                                                                                  |         |
| 3   | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |



| STT | Tên thủ tục hành chính                                | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                       |                                          |                                          |                                                     |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |
| 4   | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến cho cá nhân | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định | Thời hạn giải quyết tại tỉnh | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        |                                   |                              |                    |             | <p>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</p> <p>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</p> <p>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</p> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                           | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 5   | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                           |                                          |                                          |                                                     |             | - Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |
| 6   | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                             |                                          |                                          |                                                     |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul>                                                                                                                                                                  |         |
| 7   | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                          | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                 |                                          |                                          |                                                     |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |
| 8   | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định | Thời hạn giải quyết tại tỉnh | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        |                                   |                              |                    |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |

| STT                                               | Tên thủ tục hành chính                                                                                                         | Thời hạn giải quyết theo quy định       | Thời hạn giải quyết tại tỉnh            | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>V. Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo (08 TTHC)</b> |                                                                                                                                |                                         |                                         |                                                     |             |                                                                                                                                                                                     |         |
| 1                                                 | Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo                     | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 2                                                 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc huyện             | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 3                                                 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |



| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 4   | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện                                          | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 5   | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 6   | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện                                                           | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 7   | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện                                                                                             | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 8   | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT                                               | Tên thủ tục hành chính                                                          | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (15 TTHC)</b>     |                                                                                 |                                          |                                          |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |         |
| <b>I. Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng (05 TTHC)</b> |                                                                                 |                                          |                                          |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |         |
| 1                                                 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                        | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                               |                                          |                                          |                                                  |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul>                                                                                                                                                                  |         |
| 2   | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                 | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                        |                                          |                                          |                                                  |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |
| 3   | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định | Thời hạn giải quyết tại tỉnh | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        |                                   |                              |                    |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 4   | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> </ul> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                        | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                               |                                          |                                          |                                                  |             | - Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |
| 5   | Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</li> </ul> |         |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định | Thời hạn giải quyết tại tỉnh | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        |                                   |                              |                    |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;</li> <li>- Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 UBND tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.</li> </ul> |         |

## II. Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo (10 TTHC)

|   |                                              |                                          |                                          |                                                  |       |                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|---|----------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1 | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng         | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;</li> <li>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.</li> </ul> |  |
| 2 | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;</li> <li>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.</li> </ul> |  |
| 3 | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;</li> <li>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.</li> </ul> |  |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 4   | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã         | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 5   | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 6   | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                              | Thời hạn giải quyết theo quy định        | Thời hạn giải quyết tại tỉnh             | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 7   | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 8   | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác  | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |
| 9   | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung            | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định       | Thời hạn giải quyết tại tỉnh            | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 10  | Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Ngay sau khi nhận được thông báo hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. |         |